

QUYẾT ĐỊNH
Chấp thuận chủ trương đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 169/BC-SKHĐT ngày 15/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư; đồng thời phê duyệt Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất dự án Khu dịch vụ kho bãi, logistics (KB-DV 01) với các nội dung sau đây:

1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Tên dự án: Khu dịch vụ kho bãi, logistics (KB-DV 01).

3. Mục tiêu dự án:

- Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc Quốc lộ 19 (mới) đoạn từ thành phố Quy Nhơn đến huyện Tuy Phước.

- Xây dựng khu dịch vụ kho bãi, logistics,... để phù hợp quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

4. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng khu dịch vụ kho bãi, logistics, cho thuê văn phòng, ngoại quan, thông quan, hàng hải, gom hàng, đóng gói hàng hóa, kiểm đếm, lưu giữ, xếp dỡ hàng hóa,...

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 2,9ha.

5. Sơ bộ về chi phí thực hiện dự án (m1): 64.760.033.000 đồng (Chưa bao gồm kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất);

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

7. Địa điểm thực hiện dự án: Lô KB-DV 01, khu đất dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án không quá 03 năm (36 tháng) kể từ ngày hợp đồng thực hiện dự án có hiệu lực hoặc được công nhận làm Chủ đầu tư dự án.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng: Theo quy định hiện hành.

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư: Nhà đầu tư được lựa chọn làm Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước với giá trị tối thiểu bằng Giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tính toán sơ bộ (tạm tính) và phê duyệt chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (m2).

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Giao UBND huyện Tuy Phước bổ sung khu đất vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Giao Sở Tài chính xác định Giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt Danh mục dự án có sử dụng đất này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch

UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc: 01 bản gửi UBND huyện Tuy Phước, 01 bản được lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản được lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long